

View

Nội dung



- Khái niệm View
- Xây dựng View bằng cửa sổ công cụ SQL Server Management Studio
- Xây dựng View bằng câu lệnh T-SQL
- Tạo chỉ mục cho View

Khung nhìn (view)

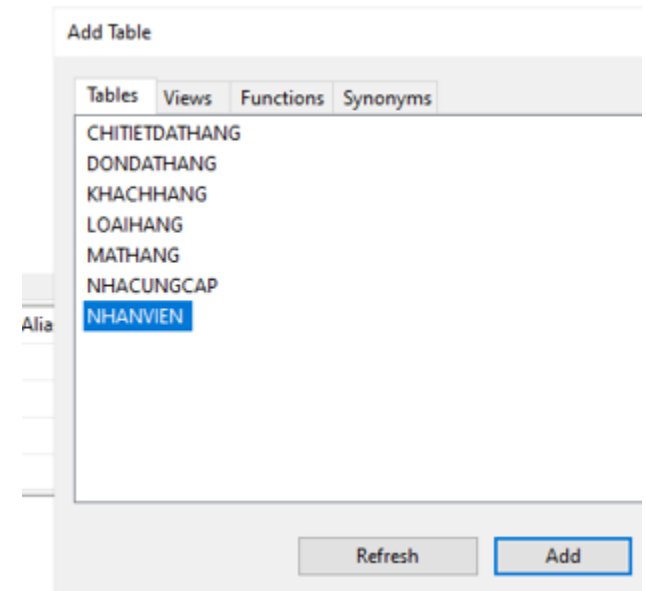
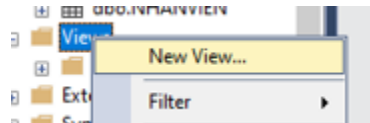
- Là một bảng tạm thời gồm 1 số thuộc tính từ nhiều bảng khác nhau
- Ý nghĩa:
 - Truy cập đến dữ liệu dễ dàng
 - An toàn dữ liệu

Định nghĩa VIEW

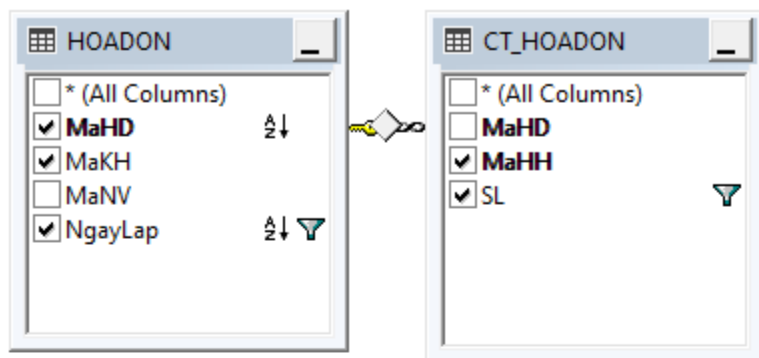
- View là bảng không chứa dữ liệu, nó chỉ là truy vấn kết hợp dữ liệu từ 1 hay nhiều bảng có quan hệ với nhau và được lưu thành một đối tượng của SQL Server
- Người dùng có thể áp dụng ngôn ngữ thao tác dữ liệu trên các View giống như bảng.

Xây dựng view bằng SSMS

- Hiện thanh công cụ tạo view: View/ Toolbars/ View Designer
- Tạo View
- Add các bảng kết nối cho view
- Chọn thông tin cho view
- Chạy View



Xây dựng view bằng SSMS



Column	Alias	Table	Outp...	Sort Type	Sort Order	Filter	Or...	Or...	Or...
MaHD		HOADON	<input checked="" type="checkbox"/>	Ascending	1				
MaKH		HOADON	<input checked="" type="checkbox"/>						
NgayLap		HOADON	<input checked="" type="checkbox"/>	Ascending	2	= '17/03/2015'			
MaHH		CT_HOAD...	<input checked="" type="checkbox"/>						
SL		CT_HOAD...	<input checked="" type="checkbox"/>				> 10		

```

SELECT TOP (100) PERCENT dbo.HOADON.MaHD, dbo.HOADON.MaKH, dbo.HOADON.NgayLap, dbo.CT_HOADON.MaHH, dbo.CT_HOADON.SL
FROM   dbo.HOADON INNER JOIN
      dbo.CT_HOADON ON dbo.HOADON.MaHD = dbo.CT_HOADON.MaHD
WHERE  (dbo.HOADON.NgayLap = CONVERT(DATETIME, '2015-03-17 00:00:00', 102)) OR
      (dbo.CT_HOADON.SL > 10)
    
```

MaHD	MaKH	NgayLap	MaHH	SL
0001	0019	2015-04-02 00:0...	0004	15
0002	0020	2016-04-03 00:0...	0004	12

Định nghĩa view

- Tạo view:

```
CREATE VIEW Tên_khung_nhìn [ trường 1,  
trường 2, ... ] AS  
select_statement  
[ WITH CHECK OPTION ];
```

- Xóa view:

```
DROP VIEW Tên_khung_nhìn;
```

Ví dụ 1

- Tạo view:

- /*tạo view gồm danh sách học sinh và điểm của lớp 10A1*/

- create view DSHS10A1
as
select DSHS.MAHS, HO+' '+TEN as HoVaTen, if(NU=1, N'Nữ', 'Nam') as GioiTinh,
NGAYSINH, MALOP, TOAN, LY, HOA, VAN, round((TOAN*2+VAN*2+LY+HOA)/6,2) as DiemTB from
DSHS, DIEM where DSHS.MAHS=DIEM.MAHS and MALOP='10A1'
 - select * from DSHS10A1

- Xóa view: DROP VIEW DSHS10A1;

Ví dụ 2

- Tạo View nv_tre (nhân viên dưới 35 tuổi)

```
CREATE VIEW nv_tre (Manv, Hoten, Tuoi)
```

```
AS
```

```
    SELECT Manv, Hoten, Year(Getdate()) – Year(Ngaysinh)
```

```
    FROM    NHANVIEN
```

```
    WHERE   Year(Getdate()) – Year(Ngaysinh) <= 35
```

* Sử dụng View:

```
SELECT * FROM NV_TRE
```

 Nếu một thuộc tính trong View được xây dựng từ một biểu thức thì bắt buộc phải đặt tên cho thuộc tính đó.

Mục đích dùng VIEW

- Hạn chế tính phức tạp của dữ liệu đối với NSD đơn giản.
- Tạo ra bảng ảo có dữ liệu theo yêu cầu cho NSD và sử dụng trong thiết kế báo cáo.
- Hạn chế quyền truy cập dữ liệu của NSD.
- View dùng để trình bày các thông tin dẫn xuất.

Cập nhật dữ liệu thông qua View

- View định nghĩa dữ liệu trên một bảng thì có thể dùng Insert
- Nếu trong định nghĩa View có chứa mệnh đề Inner join thì không thể dùng các thao tác Insert hay Delete để thay đổi dữ liệu
- Nếu trong định nghĩa View có chứa mệnh đề With check option thì chỉ những bản ghi thỏa mãn điều kiện của View mới được Insert, Update

Xây dựng View dựa trên View khác

- Khi xóa 1 view, mọi view được xây dựng dựa trên view đó cũng bị xóa.
- Có thể dùng thủ tục `sp_helptext` để xem định nghĩa View
- Mã hoá View: dùng **WITH ENCRYPTION**
 - Không thể xem được nội dung View
 - Không thể thay đổi lại được

Tạo chỉ mục cho View

- View có **WITH SCHEMABINDING**
- Không có **Top, Order, Distinct**
- Không có hàm **count()**
- Không có **Having**
- Không có **outer join**
- Có người dùng hoặc dbo.

- **CREATE VIEW** SVDiem
WITH SCHEMABINDING AS
SELECT DSSV.MaSV, DSSV.HoVaTen, MonHoc.TenMon,
DiemMonHoc.Diem
FROM dbo.DSSV **JOIN** dbo.DiemMonHoc **ON**
dbo.DSSV.MaSV=dbo.DiemMonHoc.MaSV
JOIN dbo.MonHoc **On**
dbo.DiemMonHoc.MaMon=dbo.MonHoc.MaMon
- **CREATE UNIQUE CLUSTERED INDEX** IX_VSVDiem
ON SVDiem (MaSV, HoVaTen, TenMon, Diem);
- **select * from** SVDiem **with** (NOEXPAND)

Bảng tạm

- Khi nào dùng bảng tạm?
- Bảng tạm được lưu trữ tại đâu?
- Loại bảng tạm: cục bộ (#), toàn bộ (##)
- Cú pháp

```
CREATE TABLE #temp  
(  
.....  
)  
INSERT #temp  
SELECT *  
FROM SourceTable
```

Thank you!